TRƯỜNG TIỂU HỌC .....

Họ và tên: .....

Lớp: 5 .....

Điểm	Lời phê của thầy cô

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Môn: Toán lớp 5 · Đề số 38

Năm học 2026-2027 · Thời gian làm bài: 40 phút

A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm) *Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.*

Câu 1. *(0,5 điểm)* Làm tròn số 143,353 đến hàng phần trăm ta được:

A. 143,353 **B.** 143,37 **C.** 143,36 **D.** 143,35

Câu 2. *(0,5 điểm)* Dấu thích hợp điền vào chỗ chấm: 9,83 ……. 9,830

A. > **B.** < **C.** =

Câu 3. *(0,5 điểm)* Hỗn số 97 6/10 viết dưới dạng số thập phân là:

A. 970,6 **B.** 97,6 **C.** 98,6 **D.** 97,06

Câu 4. *(0,5 điểm)* 59,2 : 10 = …….

A. 0,592 **B.** 592 **C.** 5,92 **D.** 5920

Câu 5. *(0,5 điểm)* Một sợi dây dài 16,34 m, sợi dây thứ hai dài hơn sợi dây thứ nhất 8,8 m. Cả hai sợi dây dài:

A. 23,88 m **B.** 25,14 m **C.** 41,48 m **D.** 41,38 m

Câu 6. *(0,5 điểm)* 4 m 89 cm = ……. m

A. 4,89 **B.** 4,089 **C.** 40,89 **D.** 12,9

Câu 7. *(0,5 điểm)* 26 000 m² = ……. ha

A. 26 **B.** 2,6 **C.** 260 **D.** 0,26

Câu 8. *(0,5 điểm)* Hình tam giác có độ dài đáy 23 cm, chiều cao 10 cm. Diện tích hình tam giác là:

A. 230 cm² **B.** 33 cm² **C.** 115 cm² **D.** 66 cm²

B. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 9. *(1 điểm)* Cho các số thập phân: 39,64; 39,729; 39,1; 39,66; 39,3.

a) Số bé nhất là: …….

b) Số lớn nhất là: …….

c) Khi xếp theo thứ tự từ bé đến lớn, số đứng thứ ba là: …….

d) Tổng của số lớn nhất và số bé nhất: …….

Câu 10. *(1 điểm)* Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) Diện tích hình tam giác bằng độ dài đáy nhân với chiều cao	
b) Đường kính của hình tròn gấp 2 lần bán kính	
c) Hình thang có hai cặp cạnh đối diện song song	
d) Hỗn số 2 1/2 bằng 2,1	

Câu 11. *(1 điểm)* Tính (viết kết quả dưới dạng phân số tối giản):

a) $1/4 : 3/5 =$ ……

b) $5/6 - 3/5 =$ ……

c) $3/8 \times 1/4 =$ ……

Câu 12. *(1 điểm)* Viết số thập phân (hoặc số) thích hợp vào chỗ chấm:

a) 6 m 3 cm = …… m

b) 1 kg 15 g = …… kg

c) 6 km^2 = …… ha

d) 1700 m^2 = …… ha

Câu 13. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm (lấy $\pi = 3,14$):

a) Chu vi hình tròn bán kính 12 cm: …… cm

b) Diện tích hình tròn bán kính 12 cm: …… cm^2

c) Chu vi hình tròn đường kính 8 dm: …… dm

Câu 14. *(1 điểm)* Một tổ may cắt 6 chiếc áo, mỗi chiếc dùng hết 2,4 m vải. Giá mỗi mét vải là 150 000 đồng. Hỏi tổ đó đã dùng hết bao nhiêu mét vải và phải trả bao nhiêu tiền?

a) Số mét vải đã dùng: …… m

b) Số tiền phải trả: …… đồng

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề kiểm tra cuối học kỳ I Toán lớp 5 · Đề số 38

A. Trắc nghiệm (mỗi câu đúng 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	D	C	B	C	C	A	B	C

B. Tự luận (mỗi câu 1 điểm)

Câu 9.

Xếp từ bé đến lớn: 39,1 < 39,3 < 39,64 < 39,66 < 39,729

a) 39,1

b) 39,729

c) 39,64

d) 39,729 + 39,1 = 78,829

Câu 10.

a) S; b) Đ; c) S; d) S

Câu 11.

a) 1/4 : 3/5 = 5/12

b) 5/6 − 3/5 = 7/30

c) 3/8 × 1/4 = 3/32

Câu 12.

a) 6,03

b) 1,015

c) 600

d) 0,17

Câu 13.

a) 12 × 2 × 3,14 = 75,36

b) 12 × 12 × 3,14 = 452,16

c) 8 × 3,14 = 25,12

Câu 14.

Số vải: 2,4 × 6 = 14,4 (m)

Số tiền: 150 000 × 14,4 = 2 160 000 (đồng)